

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2023

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1993 (Có mặt)

HKTT: Thôn Tân P, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở : Thôn M, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Mai Văn N, sinh năm 1984 (Có mặt)

HKTT: Thôn T, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo khởi kiện đề ngày 10/02/2023 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn N kết hôn với nhau ngày 13/11/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên có

được tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi kết hôn chị về làm dâu gia đình nhà anh Nngay và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 và Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018. Hiện nay cháu A và cháu Q đang ở nhà ông bà nội với A N. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu A để anh N nuôi cháu Q. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang làm công nhân công ty Telstar Việt Nam với mức thu nhập 12.000.000 đồng – 13.000.000 đồng/ 01 tháng, chị xác định đủ điều kiện nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, bị đơn anh Mai Văn N trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Ngô Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 13/11/2015 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu một thời gian. Sau khi kết hôn chị Đ về làm dâu gia đình nhà anh và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh công tác xa nhà, vợ chồng ít khi được ở gần nhau, mỗi khi về thì chị Đ ít gần gũi với anh. Anh được biết chị Đ có quan hệ bên ngoài với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Anh đã cho chị Đ cơ hội sửa đổi nhiều lần nhưng chị Đ không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 và cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện nay đang làm tại Công ty Cổ phần Điện lực Quảng Ninh với mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/01 tháng, anh có nhà cửa và bố mẹ anh còn trẻ nên đảm bảo để nuôi dưỡng được 02 con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân chị xin ly hôn anh Mai Văn N. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 để anh Nnuôi cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang làm công nhân, thu nhập đều đặn khoảng 12 triệu đến 15 triệu đồng/01 tháng, chị chưa có nhà riêng nhưng hiện tại sinh sống cùng bố nên chị xác định đủ điều kiện để nuôi con.

Bị đơn anh Mai Văn N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên anh hoàn toàn nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Về con chung, anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung là cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 và cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018 vì hiện nay tuy công tác xa nhà nhưng anh có nhà cửa, có bố mẹ giúp đỡ, thu nhập của anh ổn định trên 20 triệu đồng/01 tháng nên anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Còn chị Đ làm công nhân, thu nhập không ổn định, lại thường xuyên làm ca kíp nên không có điều kiện chăm con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điều 9; Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ và anh Mai Văn N thuận tình ly hôn.
- + Về con chung: Giao cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 cho chị Ngô Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018 cho anh Mai Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Ngô Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Ngô Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Mai Văn N. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn anh Mai Văn N có nơi cư trú tại xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị Đ và anh Mai Văn N kết hôn với nhau ngày 13/11/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị Đ đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn bản gốc nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ, anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ, anh N đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở nên trầm trọng và sống ly thân nhau từ lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Đ, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ xin ly hôn, anh N nhất trí nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Đ và anh Mai Văn N.

[2.2] *Về con chung*: Chị Đ, anh N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 và cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2016. Ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Mai Thị A để anh N nuôi cháu Mai Văn Q. Anh N có nguyện vọng được nuôi cả cháu Mai Thị A và cháu Mai Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Đ hiện nay đang ở cùng bố đẻ và làm công nhân Công ty TNHH TELSTAR Việt Nam với mức thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000

đồng/01 tháng. Anh Nhiên nay đang công tác tại Công ty Cổ phần Điện lực Quảng Ninh với mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/01 tháng là đều đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần giao cho chị Đ anh N mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai cháu Mai Thị A có nguyện vọng được ở với chị Đ. Cháu A là con gái nên để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý của con gái thì cần giao cháu A cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Q là con trai và tại thời điểm xét xử cháu đã trên 03 tuổi nên cần giao cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ, anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, chị Đ, anh N không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Đ, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc chị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ và anh Mai Văn N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Mai Thị A, sinh ngày 04/4/2016 cho chị Ngô Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Mai Văn Q, sinh ngày 08/6/2018

cho anh Mai Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Đ, anh N không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Ngô Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002172 ngày 24/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thanh Quyên